

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 27 - 7 - 2021.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Kim Cúc

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh N, sinh năm 1987. Nơi đăng ký HKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Nh, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh N trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Nh ngày 13 tháng 12 năm 2013 có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh Nh không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, không ai quan tâm

đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Nh để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh P sinh ngày 19 tháng 01 năm 2015 và Đỗ Thanh V sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cháu P đang ở với anh Nh, cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh V và đồng ý để anh Nh nuôi cháu Đỗ Minh P. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 15/6/2021 anh Đỗ Văn Nh trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị N có đơn xin ly hôn anh. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn đúng như chị N trình bày, tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng có lần cãi nhau chị N tự ý bỏ về bố mẹ đẻ ở. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm của anh vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh P sinh ngày 19 tháng 01 năm 2015 và Đỗ Thanh V sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cháu P đang ở với anh, cháu V đang ở với chị N. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu P và đồng ý để chị N nuôi cháu V. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin vắng mặt, anh Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Vũ Thị Thanh N và anh Đỗ Văn Nh kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nh đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Anh Nh không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ nhưng chị N cương quyết xin

ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh P sinh ngày 19 tháng 01 năm 2015 và Đỗ Thanh V sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cháu P đang ở với anh Nh, cháu V đang ở với chị N.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung và điều kiện hiện nay của anh chị, HĐXX xét thấy: Hiện nay chị N đang nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh V, anh Nh đang nuôi cháu Đỗ Minh P. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định việc học tập đối với con chung của anh chị HĐXX thấy cần giao cháu P cho anh Nh tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Thanh N và anh Đỗ Văn Nh.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị Thanh N có trách nhiệm nuôi dưỡng con Đỗ Thanh V sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017. Giao anh Đỗ Văn Nh có trách nhiệm nuôi dưỡng con Đỗ Minh P sinh ngày 19 tháng 01 năm 2015. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002414 ngày 11/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị N phải nộp. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thanh N, anh Đỗ Văn Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng